

I. MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:** HS biết về dấu hiệu các số chia hết cho 2, 5, 3 và 9
2. **Kĩ năng:** Làm tính nhanh nhẹn
3. **Thái độ:** Chăm thận khi làm tính

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Vở thực hành TV và Toán 4

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TG	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1' 32'	<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Dạy bài mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài - Hướng dẫn HS làm bài tập: * Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS thực hiện vào bảng con - GV nhận xét <p>* Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS thực hiện vào sách - Nhận xét <p>* Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc đề – Nêu yêu cầu - Cho HS giải vào nháp và nêu miệng - Chữa bài – Nhận xét <p>* Bài 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc đề - Hướng dẫn cách giải 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm BT. * Bài 1: Trong các số: 9081 ; 2308 ; 3500 ; 18273 ; 50234 ; 4365 HS thực hiện vào bảng con a) Các số chia hết cho 2 là: 2308 ; 3500 ; 50234 b) Các số chia hết cho 5 là: 3500 ; 4365 c) Các số chia hết cho 3 là: 9081 ; 18273 ; 4365 d) Các số chia hết cho 9 là: 9081 ; 4365 e) Các số vừa chia hết cho 2 và 5 : 3500 g) các số chia hết cho 3 và 5: 4365 <p>Cả lớp nhận xét</p> <p>* Bài 2: Viết chữ số thích hợp vào ô trống</p> <p>đề</p> <p>a) 3 <input type="text"/> 4</p> <p>b) 45 <input type="text"/></p> <p>c) 331 <input type="text"/></p> <p>* Bài 3: Trong các số : 1935 ; ; 2805 ; 9783 ; 25740 số chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9 là:</p> <p style="padding-left: 40px;">Câu B: 2805</p> <p>* Bài 4:</p> <p style="padding-left: 40px;">Bài giải</p> <p style="padding-left: 40px;">Diện tích bức tường</p>

2'	Chấm một số vở - nhận xét 3. Nhận xét – dặn dò: - Nhận xét tiết học - Dặn HS về xem lại bài	$160 \times 2 = 320 \text{ (m}^2\text{)}$ Thời gian quét vôi xong toàn bộ bức tường $32 : 10 = 32 \text{ (giờ)}$ Đáp số: 32 giờ
----	---	--

❖ **Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

.....

<p style="text-align: center;"><u>KHỐI TRƯỞNG DUYỆT</u></p>	<p style="text-align: center;"><u>BAN GIÁM HIỆU DUYỆT</u></p>
--	--

I.MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:** HS biết đổi đơn vị đo diện tích và xem biểu đồ
2. **Kĩ năng:** Làm tính nhanh nhẹn
3. **Thái độ:** Chăm thận khi làm tính

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Vở thực hành TV và Toán 4

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC VÀ HỌC

TG	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1' 32'	<p>1. Ôn định</p> <p>2. Dạy bài mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài - Hướng dẫn HS làm bài tập: <p>* Bài 1</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <p>Yêu cầu HS thực hiện vào bảng con</p> <p>GV nhận xét</p> <p>* Bài 2</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS thực hiện vào sách - Nhận xét <p>* Bài 3</p> <p>Gọi HS đọc đề – Nêu yêu cầu</p> <p>Cho HS giải vào nháp và nêu miệng</p> <p>Chữa bài – Nhận xét</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm BT. <p>* Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm</p> <p>HS thực hiện vào bảng con</p> <p>$1\ 000\ 000\ m^2 = 1\ km^2$; $200dm^2 = 2\ m^2$</p> <p>$5\ 000\ 000\ m^2 = 5\ km^2$; $600\ cm^2 = 6\ dm^2$</p> <p>$3\ km^2 = 3\ 000\ 000\ m^2$; $25dm^2 245cm^2 = 545cm^2$</p> <p>* Bài 2: Viết tiếp vào chỗ chấm</p> <p>a) Thành phố có diện tích lớn nhất là: $3325\ km^2$</p> <p>b) Thành phố có diện tích bé nhất là: $1390\ km^2$</p> <p>* Bài 3:</p> <p>a) <input type="checkbox"/> Đ</p> <p>b) <input type="checkbox"/> Đ</p> <p>c) <input type="checkbox"/> Đ</p> <p>d) <input type="checkbox"/> S</p> <p>e) <input type="checkbox"/> S</p>
2'	<p>3. Nhận xét – dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học - Dặn HS về xem lại bài 	

❖ **Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

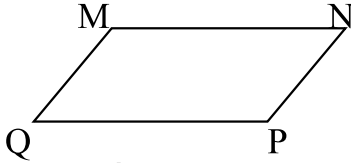
I.MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:** HS biết tính chu vi hình bình hành
2. **Kĩ năng:** Làm tính nhanh nhẹn
3. **Thái độ:** Cần thận khi làm tính

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Vở thực hành TV và Toán 4

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TG	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS												
<p>1' 32'</p>	<p>1. Ôn định</p> <p>2. Dạy bài mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài - Hướng dẫn HS làm bài tập: <p>* Bài 1 Gọi HS đọc yêu cầu Yêu cầu HS thực hiện vở THTV&T GV nhận xét</p> <p>* Bài 2 Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS thực hiện vào sách - Nhận xét</p> <p>* Bài 3 Gọi HS đọc đề – Nêu yêu cầu Cho HS VTHTV&T Chữa bài – Nhận xét</p>	<p>- Làm BT.</p> <p>* Bài 1: Viết tiếp vào chỗ chấm HS thực hiện vào sách</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>- Hai cặp cạnh đối diện là MN và QP ; MQ và NP - Cạnh MQ song song với cạnh NP ; MN song song với cạnh PQ - $QP = MN ; NP = MQ$</p> <p>* Bài 2: Viết tiếp vào chỗ chấm b) $P = (a + b) \times 2 = (12 + 8) \times 2 = 40 \text{ cm}$</p> <p>* Bài 3: Viết theo mẫu</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 10px;"> <tr> <td style="width: 25%;">Độ dài đáy</td> <td style="width: 25%;">9 cm</td> <td style="width: 25%;">15 cm</td> <td style="width: 25%;">35m</td> </tr> <tr> <td>Chiều cao</td> <td>11 cm</td> <td>12cm</td> <td>18m</td> </tr> <tr> <td>Diện tích hình bình hành</td> <td>$9 \times 11 = 99 \text{ (cm}^2\text{)}$</td> <td>$180\text{(cm}^2\text{)}$</td> <td>$630\text{(cm}^2\text{)}$</td> </tr> </table>	Độ dài đáy	9 cm	15 cm	35m	Chiều cao	11 cm	12cm	18m	Diện tích hình bình hành	$9 \times 11 = 99 \text{ (cm}^2\text{)}$	$180\text{(cm}^2\text{)}$	$630\text{(cm}^2\text{)}$
Độ dài đáy	9 cm	15 cm	35m											
Chiều cao	11 cm	12cm	18m											
Diện tích hình bình hành	$9 \times 11 = 99 \text{ (cm}^2\text{)}$	$180\text{(cm}^2\text{)}$	$630\text{(cm}^2\text{)}$											
<p>2'</p>	<p>3. Nhận xét – dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học - Dặn HS về xem lại bài 													

❖ Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

.....

I. MỤC TIÊU

- Kiến thức:** Bước đầu HS biết về phân số và so sánh phân số với 1
- Kĩ năng:** Làm tính nhanh nhẹn
- Thái độ:** Cần thận khi làm tính

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Vở thực hành TV và Toán 4

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TG	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS																								
1' 32'	<p>1. Ôn định</p> <p>2. Dạy bài mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài - Hướng dẫn HS làm bài tập: <p>* Bài 1</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <p>Yêu cầu HS thực hiện vào VTHTV&T</p> <p>GV nhận xét</p> <p>* Bài 2</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS thực hiện vào sách - Nhận xét <p>* Bài 3</p> <p>Gọi HS đọc đề – Nêu yêu cầu</p>	<p>- Làm BT.</p> <p>* Bài 1: Viết</p> <p>HS thực hiện vào VTHTV&T</p> <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Phân số</th> <th>Tử số</th> <th>Mẫu số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>$\frac{5}{9}$</td> <td>5</td> <td>9</td> </tr> <tr> <td>$\frac{8}{17}$</td> <td>8</td> <td>17</td> </tr> <tr> <td>$\frac{7}{25}$</td> <td>7</td> <td>25</td> </tr> </tbody> </table> <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Phân số</th> <th>Tử số</th> <th>Mẫu số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>$\frac{12}{35}$</td> <td>12</td> <td>35</td> </tr> <tr> <td>$\frac{19}{42}$</td> <td>19</td> <td>42</td> </tr> <tr> <td>$\frac{36}{95}$</td> <td>36</td> <td>95</td> </tr> </tbody> </table> <p>* Bài 2: Viết thương của mỗi phép chia sau dưới dạng phân số</p> <p>a) $4 : 11 = \frac{4}{11}$; $6 : 31 = \frac{6}{31}$; $16 : 45 = \frac{16}{45}$</p> <p>b) $42 : 7 = \frac{42}{7} = 6$; $55 : 5 = \frac{55}{5} = 11$</p> <p>b) Thành phố có diện tích bé nhất là: 1390 km²</p> <p>* Bài 3: Viết mỗi số tự nhiên dưới dạng phân số có mẫu số bằng 1</p>	Phân số	Tử số	Mẫu số	$\frac{5}{9}$	5	9	$\frac{8}{17}$	8	17	$\frac{7}{25}$	7	25	Phân số	Tử số	Mẫu số	$\frac{12}{35}$	12	35	$\frac{19}{42}$	19	42	$\frac{36}{95}$	36	95
Phân số	Tử số	Mẫu số																								
$\frac{5}{9}$	5	9																								
$\frac{8}{17}$	8	17																								
$\frac{7}{25}$	7	25																								
Phân số	Tử số	Mẫu số																								
$\frac{12}{35}$	12	35																								
$\frac{19}{42}$	19	42																								
$\frac{36}{95}$	36	95																								

2'	<p>Cho HS giải vào nháp và nêu miệng Chữa bài – Nhận xét</p> <p>* Bài 4 Gọi HS đọc đề – Nêu yêu cầu Cho HS giải vào nháp và nêu miệng Chữa bài – Nhận xét</p> <p>3. Nhận xét – dặn dò - Nhận xét tiết học - Dặn HS về xem lại bài</p>	<p>$34 = \frac{34}{1} \quad ; \quad 8 = \frac{8}{1} \quad ; \quad 65 = \frac{65}{1}$</p> <p>* Bài 4: Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm</p> <p>a) Phân số bé hơn 1 là : $\frac{4}{5} ; \frac{12}{55}$</p> <p>b) Phân số lớn hơn 1 là : $\frac{9}{2} ; \frac{17}{14}$</p> <p>c) Phân số bằng 1 là: $\frac{36}{36}$</p>
----	---	---

❖ Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

.....

Tiết 40

TOÁN
(Tiết 2)

I.MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:** HS biết nhân tử và mẫu cho cùng một số thì phân số không đổi
2. **Kĩ năng:** Làm tính nhanh nhẹn
3. **Thái độ:** Cần thận khi làm tính

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Vở thực hành TV và Toán 4

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TG	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1' 32'	<p>1. Ôn định</p> <p>2. Dạy bài mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài - Hướng dẫn HS làm bài tập: <p>* Bài 1</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu Yêu cầu HS thực hiện vào bảng con</p> <p>GV nhận xét</p> <p>* Bài 2</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS thực hiện vào sách - Nhận xét <p>* Bài 3</p> <p>Gọi HS đọc đề – Nêu yêu cầu Cho HS giải vào nháp và nêu miệng Chữa bài – Nhận xét</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm BT. <p>* Bài 1: Viết</p> <p>HS thực hiện vào bảng con</p> <p>Chín phần mười mét : $\frac{9}{10}$ m</p> <p>Bốn phần bảy ki-lô-gam: $\frac{4}{7}$ kg</p> <p>Một phần năm giờ: $\frac{1}{5}$ giờ</p> <p>Mười một phần mười lăm phút: $\frac{11}{15}$ phút</p> <p>Một phần mười li-lô-mét vuông: $\frac{1}{10}$ km²</p> <p>* Bài 2: Viết số thích hợp vào ô trống</p> <p>a) $\frac{2}{7} = \frac{2 \times 5}{7 \times 5} = \frac{\boxed{10}}{\boxed{35}}$; $\frac{\boxed{10}}{\boxed{18}} = \frac{\boxed{18}}{\boxed{24}}$</p> <p>* Bài 3: Đố vui</p> <p>a) Viết số thích hợp vào ô trống:</p> <p>$\frac{75}{45} = \frac{\boxed{15}}{\boxed{9}} = \frac{5}{\boxed{5}}$</p> <p>b) Số 9 viết dưới dạng phân số có mẫu số bằng 4 là: $\frac{9}{4}$</p>
2'	<p>3. Nhận xét – dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học - Dặn HS về xem lại bài 	

❖ **Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

.....

I. MỤC TIÊU

- Kiến thức:** HS biết rút gọn phân số, phân số tối giản và phân số số bằng nhau
- Kỹ năng:** Làm tính nhanh nhẹn
- Thái độ:** Chăm thận khi làm tính

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Vở thực hành TV và Toán 4

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TG	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1' 32'	<p>1. Ôn định</p> <p>2. Dạy bài mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài - Hướng dẫn HS làm bài tập: <p>* Bài 1</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <p>Yêu cầu HS thực hiện vào bảng con</p> <p>GV nhận xét</p> <p>* Bài 2</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS thực hiện vào sách - Nhận xét <p>* Bài 3</p> <p>Gọi HS đọc đề – Nêu yêu cầu</p> <p>Cho HS giải vào nháp và nêu miệng</p> <p>Chữa bài – Nhận xét</p> <p>* Bài 4</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS thực hiện vào sách - Nhận xét 	<p>- Làm BT.</p> <p>* Bài 1: Rút gọn phân số</p> <p>HS thực hiện vào bảng con</p> $\frac{12}{42} = \frac{2}{7} ; \frac{48}{54} = \frac{8}{9} ; \frac{50}{75} = \frac{2}{3} ; \frac{72}{90} = \frac{4}{5}$ <p>* Bài 2: Khoanh vào phân số tối giản</p> <p>$\left(\frac{2}{7}\right)$ $\left(\frac{4}{9}\right)$ $\left(\frac{22}{55}\right)$</p> <p>* Bài 3: Nối hai phân số bằng nhau</p> <p>$\frac{2}{5}$ $\frac{16}{28}$ $\frac{9}{12}$ $\frac{4}{12}$</p> <p>$\frac{4}{7}$ $\frac{6}{15}$ $\frac{6}{18}$ $\frac{15}{20}$</p> <p>* Bài 4: Tính</p> <p>a) $\frac{7 \times 3 \times 5}{8 \times 7 \times 3} = \frac{105}{168}$; b) $\frac{2 \times 9 \times 4}{12 \times 2 \times 9} = \frac{72}{216}$</p>
2'	<p>3. Nhận xét – dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học - Dặn HS về xem lại bài 	

❖ Rút kinh nghiệm

I. MỤC TIÊU

- Kiến thức:** HS biết quy đồng mẫu số và tìm phân số bằng nhau
- Kĩ năng:** Làm tính nhanh nhẹn
- Thái độ:** Chăm thận khi làm tính

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Vở thực hành TV và Toán 4

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TG	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1' 32'	<p>1. Ôn định</p> <p>2. Dạy bài mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài - Hướng dẫn HS làm bài tập: <p>* Bài 1</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <p>Yêu cầu HS thực hiện vào bảng con</p> <p>GV nhận xét</p> <p>* Bài 2</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS thực hiện vào sách - Nhận xét <p>* Bài 3</p> <p>Gọi HS đọc đề – Nêu yêu cầu</p> <p>Cho HS giải vào VTHTV&T</p> <p>Chữa bài – Nhận xét</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm BT. <p>* Bài 1: Quy đồng mẫu số các phân số</p> <p>HS thực hiện vào bảng con</p> <p>a) $\frac{3}{5} = \frac{3 \times 2}{2 \times 5} = \frac{6}{10}$; b) $\frac{7}{24} = \frac{7 \times 4}{24 \times 4} = \frac{28}{96}$</p> <p>$\frac{1}{2} = \frac{1 \times 5}{2 \times 5} = \frac{5}{10}$; $\frac{9}{4} = \frac{9 \times 24}{4 \times 24} = \frac{216}{96}$</p> <p>* Bài 2: Viết $\frac{4}{7}$ và 5 thành hai phân số đều có mẫu số là 7</p> <p>$\frac{5 \times 7}{1 \times 7} = \frac{35}{7}$</p> <p>* Bài 3: Viết các phân số lần lượt bằng $\frac{11}{16}$; $\frac{9}{10}$ và có mẫu số chung là 90</p> <p>$\frac{11 \times 5}{16 \times 5} = \frac{55}{80}$; $\frac{9 \times 9}{10 \times 9} = \frac{81}{90}$</p>
2'	<p>3. Nhận xét – dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học - Dặn HS về xem lại bài 	

❖ Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

.....

I. MỤC TIÊU

- Kiến thức:** HS ôn rút gọn phân số và quy đồng mẫu số
- Kĩ năng:** làm tính nhanh nhẹn
- Thái độ:** cẩn thận khi làm tính

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Vở thực hành TV và Toán 4

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ

TG	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1' 32'	<p>1. Ôn định</p> <p>2. Dạy bài mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài - Hướng dẫn HS làm bài tập: <p>* Bài 1</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <p>Yêu cầu HS thực hiện vào bảng con</p> <p>GV nhận xét</p> <p>* Bài 2</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS thực hiện vào sách - Nhận xét <p>* Bài 3</p> <p>* Bài 4</p> <p>Gọi HS đọc đề – Nêu yêu cầu</p> <p>Cho HS giải vào VHTV&T</p> <p>Chữa bài – Nhận xét</p>	<p>- Làm BT.</p> <p>* Bài 1: Rút gọn phân số</p> <p>HS thực hiện vào bảng con</p> $\frac{18}{54} = \frac{1}{3} \quad ; \quad \frac{30}{75} = \frac{2}{5}$ <p>* Bài 2: Quy đồng mẫu số các phân số</p> $\frac{2}{7} \text{ và } \frac{2}{5}$ $\frac{2}{7} = \frac{10}{35} \text{ và } \frac{2}{5} = \frac{14}{35}$ <p>* Bài 3: $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$ $\begin{matrix} ? \\ \\ \end{matrix}$</p> <p>a) $\frac{7}{10} < \frac{9}{10}$; b) $\frac{18}{37} > \frac{16}{37}$</p> <p>c) $\frac{3}{20} = \frac{3}{20}$; d) $\frac{32}{57} < \frac{39}{57}$</p> <p>* Bài 4: $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?</p> $\frac{9}{8} > 1 \quad ; \quad \frac{8}{9} < 1 \quad ; \quad \frac{17}{17} = 1$
2'	<p>3. Nhận xét – dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học - Dặn HS về xem lại bài 	

❖ **Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

.....

I. MỤC TIÊU

- Kiến thức:** HS biết quy đồng mẫu số và so sánh phân số
- Kĩ năng:** Làm tính nhanh nhẹn
- Thái độ:** Chăm thận khi làm tính

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Vở thực hành TV và Toán 4

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TG	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1' 32'	<p>1. Ôn định</p> <p>2. Dạy bài mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài - Hướng dẫn HS làm bài tập: <p>* Bài 1</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <p>Yêu cầu HS thực hiện vào bảng con</p> <p>GV nhận xét</p> <p>* Bài 2</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS thực hiện vào sách - Nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm BT. <p>* Bài 1: So sánh hai phân số</p> <p>HS thực hiện vào bảng con</p> <p>a) $\frac{4}{5}$ và $\frac{6}{7}$; $\frac{4}{5} = \frac{28}{35}$; $\frac{6}{7} = \frac{30}{35}$</p> <p>$\frac{28}{35} < \frac{30}{35}$ vậy $\frac{4}{5} < \frac{6}{7}$</p> <p>b) $\frac{11}{16}$ và $\frac{5}{8}$; $\frac{11}{16} = \frac{88}{128}$; $\frac{5}{8} = \frac{80}{128}$</p> <p>$\frac{88}{128} > \frac{80}{128}$ vậy $\frac{11}{16} > \frac{5}{8}$</p> <p>* Bài 2: So sánh hai phân số cùng tử số</p> <p>a) $\frac{8}{5} > \frac{8}{7}$; $\frac{14}{11} < \frac{14}{9}$</p>
2'	<p>3. Nhận xét – dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học - Dặn HS về xem lại bài 	

❖ Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

.....

I.MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:** HS biết số chia hết cho 2, chia hết cho 9 và chia số có 5 chữ số với số có 3 chữ số
2. **Kĩ năng:** Làm tính nhanh nhẹn
3. **Thái độ:** Chăm thận khi làm tính

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Vở thực hành TV và Toán 4

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TG	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1' 32'	<p>1. Ôn định</p> <p>2. Dạy bài mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài - Hướng dẫn HS làm bài tập: <p>* Bài 1</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu Yêu cầu HS thực hiện vào bảng con GV nhận xét</p> <p>* Bài 2</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS thực hiện vào sách - Nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm BT. * Bài 1: Viết chữ số thích hợp vào ô trống sao cho: HS thực hiện vào bảng con a) 69 4,6,8 chia hết cho 2 nhưng không chia hết cho 5 b) 70 2 chia hết cho 9 * Bài 2: Đặt tính rồi tính <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;"> <p>a) 352×298</p> $\begin{array}{r} 352 \\ \times 298 \\ \hline 2816 \\ 7040 \\ \hline 9856 \end{array}$ </div> <div style="text-align: center;"> <p>b) $43976 \overline{) 324}$</p> $\begin{array}{r} 13 \\ 19 \\ \hline 37 \\ 16 \\ \hline 0 \end{array}$ </div> </div> <p>* Bài 3: $>$ $<$ $=$ $\frac{5}{11} = \frac{5}{11}$; $\frac{3}{17} > \frac{3}{20}$</p> <p>$\frac{19}{21} < 1$; $\frac{7}{21} < \frac{21}{30}$; $1 > \frac{48}{35}$</p> <p>* Bài 4: Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm Với hai số tự nhiên 4 và 7, ta viết được:</p> <p>a) Phân số lớn hơn 1 là: $\frac{7}{4}$</p> <p>b) Phân số bé hơn 1 là: $\frac{4}{7}$</p>
2'	<p>* Bài 3</p>	
2'	<p>* Bài 4: HS điền vào sách - Nhận xét</p> <p>3. Nhận xét – dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học - Dặn HS về xem lại bài 	

❖ Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

.....

TUẦN: 23

Tiết 46

TOÁN (Tiết 2)

I.MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:** HS biết cộng hai phân số có cùng mẫu số , khác mẫu số và rút gọn phân số

2. **Kĩ năng:** Làm tính nhanh nhẹn

3. **Thái độ:** Chăm thận khi làm tính

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Vở thực hành TV và Toán 4

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TG	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1' 32'	1. Ôn định 2. Dạy bài mới - Giới thiệu bài - Hướng dẫn HS làm bài tập: * Bài 1: Gọi HS đọc yêu cầu Yêu cầu HS thực hiện vào bảng con GV nhận xét * Bài 2	- Làm BT. * Bài 1: So sánh hai phân số HS thực hiện vào bảng con a) $\frac{2}{7} + \frac{3}{7} = \frac{5}{7}$; b) $\frac{1}{2} + \frac{3}{2} = \frac{5}{2}$ b) $\frac{5}{6} + \frac{11}{6} = \frac{16}{6}$ d) $\frac{32}{45} + \frac{43}{45} = \frac{75}{45}$
2'	* Bài 3 Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS thực hiện vào sách - Nhận xét 3. Nhận xét – dặn dò - Nhận xét tiết học - Dặn HS về xem lại bài	* Bài 2: So sánh hai phân số cùng tử số a) $\frac{3}{4} + \frac{3}{5} = \frac{15}{20} + \frac{12}{20} = \frac{27}{20}$ b) $\frac{5}{12} + \frac{7}{6} = \frac{30}{72} + \frac{84}{72} = \frac{114}{72}$ * Bài 3: Rút gọn rồi tính a) $\frac{15}{35} + \frac{7}{10}$ $\frac{15}{35} = \frac{3}{7}$ $\frac{3}{7} + \frac{7}{10} = \frac{30}{70} + \frac{49}{70} = \frac{79}{70}$ b) $\frac{27}{72} + \frac{11}{24} =$ $\frac{27}{72} = \frac{3}{24}$ $\frac{3}{24} + \frac{11}{24} = \frac{14}{24}$

❖ Rút kinh nghiệm

TUẦN: 24

Tiết 47

TOÁN (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:** HS biết cộng số tự nhiên với phân số và ngược lại .
2. **Kỹ năng:** Làm tính nhanh nhẹn
3. **Thái độ:** Chăm thận khi làm tính

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Vở thực hành TV và Toán 4

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TG	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1' 32'	<p>1. Ôn định</p> <p>2. Dạy bài mới</p> <ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu bài- Hướng dẫn HS làm bài tập: <p>* Bài 1</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <p>Yêu cầu HS thực hiện vào bảng con</p> <p>GV nhận xét</p> <p>* Bài 2</p> <p>HS thực hiện vào vở THPT&T</p> <p>Chữa bài – nhận xét</p> <p>* Bài 3</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu HS thực hiện vào sách- Nhận xét <p>* Bài 4</p> <p>Gọi HS đọc đề</p> <p>GV hướng dẫn cách giải</p> <p>Cả lớp thực hiện vào vở thực hành TV&T</p> <p>Chấm 1 số bài</p>	<ul style="list-style-type: none">- Làm BT. <p>* Bài 1: Tính</p> <p>HS thực hiện vào bảng con</p> <p>a) $5 + \frac{3}{8} = \frac{40}{8} + \frac{3}{8} = \frac{43}{8}$</p> <p>$\frac{4}{5} + 6 = \frac{4}{5} + \frac{30}{5} = \frac{34}{5}$</p> <p>$\frac{5}{7} + 4 = \frac{5}{7} + \frac{28}{7} = \frac{33}{7}$</p> <p>* Bài 2: Tính</p> <p>a) $\frac{5}{6} - \frac{3}{6} = \frac{2}{6}$; b) $\frac{16}{7} - \frac{8}{7} = \frac{8}{7}$</p> <p>c) $\frac{15}{4} - \frac{9}{4} = \frac{6}{4}$</p> <p>* Bài 3: Tính</p> <p>a) $\frac{2}{6} + \frac{1}{6} = \frac{3}{6}$</p> <p>b) $\frac{5}{8} + \frac{1}{4} = \frac{5}{8} + \frac{2}{8} = \frac{7}{8}$</p> <p>c) $\frac{3}{4} - \frac{1}{3} = \frac{9}{12} - \frac{4}{12} = \frac{5}{12}$</p> <p>d) $\frac{5}{9} - \frac{1}{4} = \frac{20}{36} - \frac{9}{36} = \frac{11}{36}$</p> <p>* Bài 4: Toán đố</p> <p>Bài giải</p> <p>Số kí-lô-gam kẹo hộp thứ hai đựng</p> <p>$\frac{2}{3} - \frac{1}{4} = \frac{5}{12}$ (kg)</p> <p>Số kí-lô-gam kẹo cả hai hộp đựng</p>

2'	Chữa bài – nhận xét 3. Nhận xét – dặn dò - Nhận xét tiết học - Dặn HS về xem lại bài	$\frac{2}{3} + \frac{5}{12} = \frac{13}{12} \text{ (kg)}$ Đáp số: $\frac{13}{12}$ kg
----	--	--

❖ **Rút kinh nghiệm**

.....

.....

.....

.....

TUẦN: 24

Tiết 48

TOÁN (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:** HS biết trừ hai phân số khác mẫu số và số tự nhiên trừ cho phân số
2. **Kĩ năng:** Làm tính nhanh nhẹn
3. **Thái độ:** Chăm thận khi làm tính

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Vở thực hành TV và Toán 4

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TG	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1' 32'	<p>1. Ôn định</p> <p>2. Dạy bài mới</p> <p>- Giới thiệu bài</p> <p>- Hướng dẫn HS làm bài tập:</p> <p>* Bài 1</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <p>Yêu cầu HS thực hiện vào bảng con</p> <p>GV nhận xét</p> <p>* Bài 2</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <p>Yêu cầu HS thực hiện vào bảng con</p> <p>GV nhận xét</p> <p>* Bài 3</p> <p>Gọi HS đọc yêu cầu</p> <p>- Yêu cầu HS thực hiện vào sách</p> <p>- Nhận xét</p>	<p>- Làm BT.</p> <p>* Bài 1: Tính</p> <p>HS thực hiện vào bảng con</p> <p>a) $\frac{5}{7} - \frac{3}{5} = \frac{25}{35} - \frac{21}{35} = \frac{4}{35}$; b) $\frac{12}{5} - \frac{7}{3} = \frac{36}{15} - \frac{35}{15} = \frac{1}{15}$; c) $\frac{11}{8} - \frac{1}{7} = \frac{77}{56} - \frac{8}{56} = \frac{69}{56}$; d) $\frac{4}{15} - \frac{1}{5} = \frac{4}{15} - \frac{3}{15} = \frac{1}{15}$</p> <p>* Bài 2: Tính:</p> <p>a) $8 - \frac{2}{3} = \frac{24}{3} - \frac{2}{3} = \frac{22}{3}$</p> <p>b) $\frac{7}{5} - 1 = \frac{7}{5} - \frac{5}{5} = \frac{2}{5}$</p> <p>* Bài 3: Tìm x:</p> <p>a) $\frac{1}{2} + x = \frac{5}{6}$</p> <p>$x = \frac{5}{6} - \frac{1}{2}$</p> <p>$x = \frac{1}{3}$</p> <p>b) $x - \frac{1}{5} = \frac{3}{10}$</p> <p>$x = \frac{3}{10} + \frac{1}{5}$</p> <p>$x = \frac{1}{2}$</p>